TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **65**/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 116/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Q. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025, đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Q trình bày:* Bà Q có tham gia chơi các dây hụi tháng do bà T mở, cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2024 âm lịch, có 21 phần, bà Q tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Q", đã đóng hụi được 15 lần với số tiền hụi có lãi đã đóng được là 2.000.000 đồng x 15 lần x 02 phần = 60.000.000 đồng. Bà T bị bể hụi vào tháng 3/2025 nhưng đến nay vẫn chưa giao số tiền hụi nêu trên cho bà Q, nên bà T còn nợ bà Q 60.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2025 âm lịch, có 18 phần, bà Q tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Q", đã đóng hụi được 03 lần với

số tiền hụi có lãi đã đóng được là 2.000.000 đồng x 03 lần x 02 phần = 12.000.000 đồng. Bà T bị bể hụi vào tháng 3/2025 nhưng đến nay vẫn chưa giao số tiền hụi nêu trên cho bà Q, nên bà T còn nợ bà Q 12.000.000 đồng.

Như vậy, 02 dây hụi này bà T còn nợ bà Q là 60.000.000 đồng + 12.000.000 đồng = 72.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào tháng 02/2025 âm lịch, bà T còn mượn của bà Q số tiền 10.000.000 đồng nhưng do bà Q tin tưởng bà T nên không có làm giấy tờ gì, bà T hứa là sau 01 tháng sẽ trả cho bà Q nhưng đến nay chưa trả.

Tổng cộng, số tiền hụi và vay mượn bà T còn nợ bà Q là 72.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 82.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng và số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/8/2025, bà Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng, chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

** Bị đơn bà T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà Q vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được rút lại một phần như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, giải quyết buộc bà T trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà bà Q đã rút đối với số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng và số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân khu vực

10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng và số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/8/2025, bà Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng, chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà Q đã rút này.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về nội dung vụ án: Bà Q cho rằng bà Q có tham gia chơi 02 dây hụi do bà T làm chủ hụi gồm: Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2024 âm lịch, có 21 phần, bà Q tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Q", bà Q đóng hụi sống được 15 lần với số tiền hụi có lãi mà bà Q đã đóng được là 2.000.000 đồng x 15 lần x 02 phần = 60.000.000 đồng, bà T bị bể hụi vào tháng 3/2025 nhưng đến nay vẫn chưa giao số tiền hụi nêu trên cho bà Q, nên bà T còn nợ bà Q 60.000.000 đồng; Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 19/01/2025 âm lịch, có 18 phần, bà Q tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Q", bà Q đóng hụi sống được 03 lần với số tiền hụi có lãi mà bà Q đã đóng được là 2.000.000 đồng x 03 lần x 02 phần = 12.000.000 đồng, bà T bị bể hụi vào tháng 3/2025 nhưng đến nay vẫn chưa giao số tiền hụi nêu trên cho bà Q, nên bà T còn nợ bà Q 12.000.000 đồng; Tổng cộng 02 dây hụi bà T còn nợ bà Q 72.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của bà Q là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm Danh sách hụi tháng khui ngày 09/01/2024 âm lịch (BL 21), Danh sách hụi tháng khui ngày 19/01/2025 âm lịch (BL 20) và các Biên bản lấy khai bà X và bà Y là các hụi viên có tham gia các dây hụi này cùng ngày 07/8/2025 (BL 31, 33). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T

không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là bà T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà T còn nợ bà Q số tiền hụi 72.000.000 đồng là sự thật, cho đến nay bà T chưa trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ này là vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Q không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà bà Q đã rút đối với số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Q không phải chịu án phí sơ thẩm; bà T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 72.000.000 đồng x 5% = 3.600.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu bà T trả số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng.

Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ là 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Q đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu bà T trả số tiền vay mượn còn nợ là 10.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Q không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Q đã nộp là 2.050.000 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000905, ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bà T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS thành phố Cần Thơ (01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt